

Số: 01/BB - BVPBN1

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI**

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm
2025 Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 162/QĐ-BVPBN1 ngày 13/10/2025 của Giám Đốc Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1 về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2025 Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1;

Hôm nay, vào lúc 8h00 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1:

*** Thành phần tham dự**

1. Ông Nguyễn Ngọc Thanh, Giám đốc.
2. Ông Nguyễn Văn Thuyên, Chủ tịch Công đoàn.
3. Ông Ngô Mạnh Hiệp, Trưởng ban thanh tra nhân dân.
4. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Trưởng phòng TCKT.
5. Bà Nguyễn Thị Hằng, Bí thư chi đoàn thanh niên Bệnh viện.

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2025 Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1 như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2025 Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1; theo biểu số 03 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1.

- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1

- Thời gian niêm yết: Kể từ 8h30 phút ngày 14 tháng 10 năm 2025 đến 8h30 ngày 14 tháng 11 năm 2022 (30 ngày).

- Biên bản được lập và hồi 8h00 ngày 14 tháng 10 năm 2025, được lập thành 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1, 01 bản lưu hồ sơ phòng Tài chính Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG TCKT



Nguyễn Thị Thu Thảo

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thanh

THÀNH PHẦN CHỨNG KIẾN

Ngô Mạnh Hiệp



Nguyễn Thị Hằng



Nguyễn Văn Thuyên



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 423

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	75.600	17.965	24%	103%
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
3	Thu dịch vụ	75.600	17.965	24%	103%
	Dịch vụ GD pháp y				
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm				
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	73.000	17.023	23%	102%
	- Thu của người bệnh	13.000	3.134	24%	108%
	- Thu từ cơ quan Bảo hiểm	60.000	13.889	23%	101%
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	600	207	35%	97%
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin....	2.000	735	37%	119%
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	75.600	17.965	24%	117%
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	75.600	17.965	24%	117%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	75.600	17.965	24%	117%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	0		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
3	Thu dịch vụ		0		
	Dịch vụ GD pháp y				
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm				
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh				
	- Thu của người bệnh				
	- Thu từ cơ quan Bảo hiểm				
	Dịch vụ trông giữ xe, cảng tin, quây thuốc		0		
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin				
	Thu khác				
B					
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.541	370	3%	94%
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.541	370	3%	94%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.541,0	370	3%	94%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.072	370	18%	94%
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.469			
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Kinh phí duy trì CTMT	330			
	KP PHCĐ lao theo KH UBND	328			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	KP Mua sắm máy móc thiết bị	3.492			
	KP sửa chữa CSHT	900			
	KP cấp theo đề án CNTT (bệnh án điện tử)	4.300			
	KP tiền thưởng theo NĐ 73	90			
	KP khắc phục cơn bão số 3	29			
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm 2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				